

现代越南语法

Xiandai Yuenanyu Yufa

梁远
祝仰修 编著

黎春泰【越】审订



中国出版集团

世界图书出版公司



现代 越南语法

Xiandai Yuenanyu Yufa

梁远
祝仰修 编著

黎春泰【越】审订

图书在版编目(CIP)数据

现代越南语语法/梁远,祝仰修编著. —广州:世界
图书出版广东有限公司, 2012. 10

ISBN 978-7-5100-5345-0

I. ①现… II. ①梁… ②祝… III. ①越南
语—语法 IV. ①H444

中国版本图书馆CIP数据核字(2012)第236933号

现代越南语语法

策划编辑:刘正武

责任编辑:魏路璐

出版发行:世界图书出版广东有限公司

(广州市新港西路大江冲25号 邮编:510300)

电 话:020-84451969 84459539

http://www.gdst.com.cn E-mail: pub@gdst.com.cn

经 销:各地新华书店

印 刷:广东信源彩色印务有限公司

版 次:2012年11月第1版 2012年11月第1次印刷

开 本:880mm×1230mm 1/32

字 数:380千

印 张:15

ISBN 978-7-5100-5345-0/H·0792

定 价:38.00元

版权所有 侵权必究

咨询、投稿:020-84460251 gzlzw@126.com

序

作为一个越南人，我很喜欢那些能用越南语和我交流的外国朋友，对他们也怀有很深的感情。作为一个语言学研究者的，我一直在关注外国学者们对越南语的研究成果，比如一些颇具影响的著作：法国学者Haudricourt A.G 的《越南语在南亚语系中的地位》、中国学者王力教授的《汉越语研究》等。此刻手中来自梁远、祝仰修两位中国教授的《现代越南语语法》再一次触动了我的情感。

经过一个长期的研究过程，学者们用各种不同的理论观点诠释了越南语语法，如：传统语法、描写语法、功能语法，最近的就是运用认知语言学理论，且也取得了不错的成绩。在这些越语学研究成果的基础上，梁远和祝仰修两位教授通过自己的努力，完成了这本内容丰富、深刻的《现代越南语语法》。

这部作品的丰富和深刻性，首先体现在研究的多层面上。作者通过结构、语义和使用等不同层面来研究语素、词、词素和句子等越语语法的基本单位。

这部作品的丰富和深刻性还体现在作者对越南语语法独特性的研究上。在越语语法研究的历程中，曾经有段时期特别是初始阶段，研究学者们一度受到西方语法学——印欧语言基础上的语法学的影响，忽略了越南语自身的特点，从而导致他们提出了一些偏离实际越南语语法的观点。越南的阮才谨、高春浩、阮金坦、黄慧等学者已经意识到这种“以欧为中”的研究所存在的问题并寻求各种办法来加以克服。越语语法学必须建立在越语语法的自身特点上，这一认识得到了国内外很多越语学学者的赞同。这也是梁远和祝仰修两位教授作品的突出特点。

在我看来，国外学者在研究越南语的过程中，会遇到一些困

难但也有其便利的一面。其中最大的困难就是越南语不是他们的母语，他们需要花费大量的时间和精力去学习和研究，才能深刻了解越南语并发掘出它的本质。而便利的一面则是他们经常会不自觉地把自己的母语进行比较。比较是找出两种语言异同点的有效方法。因为经常作比较所以外国学者们就能找出越语的特点，而这些特点有时就连越南的学者也不一定能发现。梁远和祝仰修两位教授充分利用其有利条件，克服了重重困难，最后终于完成了这部《现代越南语语法》。他们的努力是很值得钦佩的。

这部作品的编者是中国入，而这部作品的读者也是学习和研究越南语的中国人。编者比任何人都更了解如何给中国人编写一本越南语语法书，让中国人更容易掌握越南语语法的精髓、灵魂，从而使用好越南语。

我非常荣幸的是，年轻时曾经到中国学习和生活了很长一段时间。给本书作序时又使我想起了我的中国老师和同学。正因为有了老师们的谆谆教导和同学们的热情帮助，我才学会了汉语并且了解了中国文化。私以为，很多中国人和我有着一样的想法，希望通过学习越语进而了解越南的文化。这也正是梁远和祝仰修两位教授撰写本书的重要意义所在。衷心感谢他们为中越两国的友谊作出了自己的贡献。

黎春泰

LỜI TỰA

Là người Việt Nam, tôi rất thích thú và dành nhiều tình cảm tốt đẹp đối với những người nước ngoài nói chuyện với tôi bằng tiếng Việt. Là một người nghiên cứu ngôn ngữ học tôi càng trân trọng các công trình nghiên cứu tiếng Việt của các tác giả nước ngoài. Đó là tình cảm của tôi đối với những công trình trước đây về tiếng Việt như công trình *“La place du Vietnamien dans les langues austroasiatique”* (Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á) của học giả Pháp Haudricourt A. G. hay công trình *Hán Việt ngữ nghiên cứu* của Giáo sư Trung Quốc Vương Lực. Và bây giờ tình cảm ấy lại trở dậy trong tôi khi đọc cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt hiện đại* của hai vị giáo sư Trung Quốc Lương Viễn và Chúc Ngưỡng Tu.

Ngữ pháp tiếng Việt đã trải qua một quá trình nghiên cứu lâu dài với nhiều quan điểm lý thuyết khác nhau như ngữ pháp truyền thống, ngữ pháp miêu tả, ngữ pháp chức năng, gần đây nhất là lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận v.v... và đã thu được những thành tựu đáng kể. Dựa trên cơ sở những thành tựu đáng kể đó của Việt ngữ học, với sự nỗ lực cá nhân, hai tác giả Lương Viễn và Chúc Ngưỡng Tu đã viết nên công trình *Ngữ pháp tiếng Việt hiện đại* có nội dung phong phú; sâu sắc.

Sự phong phú, sâu sắc của tác phẩm này còn thể hiện ở chỗ tác giả đã chú trọng đến nhiều đặc điểm của ngữ pháp tiếng Việt, đặc điểm loại hình cũng như các đặc điểm riêng của tiếng Việt. Trong lịch sử nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt đã có lúc, nhất là ở giai đoạn đầu, các nhà nghiên cứu còn chịu ảnh hưởng của ngữ pháp học phương Tây – ngữ pháp học dựa trên cơ sở các ngôn ngữ Ấn Âu. Kết quả là các học

giả đó đã đưa ra những kiến giải không phù hợp với ngữ pháp tiếng Việt. Cái khuynh hướng “dĩ Âu vi trung” này đã được các học giả Việt Nam như Nguyễn Tài Cẩn, Cao Xuân Hào, Nguyễn Kim Thản, Hoàng Tuệ v.v... nhận thấy và tìm cách khắc phục. Ngữ pháp học tiếng Việt phải dựa trên cơ sở các đặc điểm bản chất của ngữ pháp tiếng Việt. Đó là xu hướng được các nhà Việt ngữ học trong và ngoài nước đồng thuận. Và đây cũng là một nét nổi bật trong tác phẩm này của Lương Viễn và Chúc Ngưỡng Tu.

Theo tôi, trong việc nghiên cứu, tìm hiểu bản sắc của tiếng Việt, học giả nước ngoài có những khó khăn và thuận lợi. Khó khăn lớn nhất là tiếng Việt không phải là tiếng mẹ đẻ (bản ngữ) của họ, phải mất nhiều công sức trong học tập và nghiên cứu, lao tâm khổ tứ mới đạt đến trình độ sâu sắc về tiếng Việt và từ đó nhận ra bản sắc của tiếng Việt. Nhưng học giả nước ngoài cũng có cái lợi thế là luôn luôn, tự nhiên có sự so sánh tiếng Việt với tiếng mẹ đẻ của mình. So sánh là một trong những phương pháp hữu hiệu để tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt của hai ngôn ngữ. Do có sự thường xuyên so sánh mà học giả nước ngoài phát hiện được những nét đặc sắc trong tiếng Việt mà chính học giả người Việt có khi không nhận ra. Khắc phục được những khó khăn và phát huy được cái lợi thế của một học giả nước ngoài trong việc học tập và nghiên cứu tiếng Việt, tác giả của công trình này – hai giáo sư Trung Quốc là Lương Viễn và Chúc Ngưỡng Tu đã viết nên công trình này, đó là điều rất đáng khâm phục.

Tác giả của cuốn sách này là người Trung Quốc, nhằm đối tượng chính là người Trung Quốc học tập và nghiên cứu tiếng Việt. Tác giả là người hiểu hơn ai hết cách trình bày một cuốn ngữ pháp tiếng Việt cho người Trung Quốc để người Trung Quốc dễ dàng nắm được cái bản sắc,

cái linh hồn của ngữ pháp tiếng Việt và sử dụng tốt tiếng Việt.

Tôi có cái may mắn là thời thanh niên được nhiều năm sống và học tập ở Trung Quốc. Viết lời tựa cho cuốn sách này tôi lại nhớ tới các thầy giáo và rất nhiều bạn học Trung Quốc của tôi. Nhờ công lao dạy dỗ của các thầy và sự giúp đỡ của các bạn học Trung Quốc mà tôi hiểu biết tiếng Hán và từ đó hiểu biết văn hóa Trung Hoa. Tôi nghĩ cũng như tôi, người Trung Quốc sẽ nắm được văn hóa Việt Nam nếu có hiểu biết về tiếng Việt. Đó là ý nghĩa sâu xa của cuốn sách này của giáo sư Lương Viễn và Chúc Ngưỡng Tu góp phần vun đắp mối tình hữu nghị Trung—Việt.

Lê Xuân Thai



前 言

近年来，越南国内对越南语语法的研究日益深入，以功能语法和语用学理论为指导的新的研究成果不断出现。与此同时，我国的越南语教学发展迅猛，在校的越南语专业学生数量与日俱增。为了顺应这一形势，我们在吸收我国老一辈越南语专家研究成果的基础上，注意借鉴越南学者最新的研究成果，结合自身教学经验，编写了这本《现代越南语语法》，希望能对国内不同层次的越南语教学和社会上越南语从业人员的自修提高有所帮助。

本书主要为具备了一定越南语基础的中国学生和学习者编写，力求通过语法现象和语法规则的具体描写，指导学生学会正确使用越南语。为了能更好地说明问题，我们在每项语法说明后引用了一定数量的例证；为了便于中国学生的理解和学习，我们尽可能做了越汉语法比较。

在本书编写过程中，我们得到了许多同行专家的大力支持和热情帮助。曾经留学北京大学、精通中文的越南《语言》杂志原总编辑、博士生导师黎春泰先生从头到尾仔细审读全书，提出了宝贵的修改意见并欣然撰写了序言；国内越南语研究专家范宏贵教授自始至终都给予很大的鼓励和支持；李彩云、郑诗馨、周展等同志为本书的校对付出了很多心血。广西民族大学外国语学院不仅为本书的编写创造了便利条件，而且还提供了出版资助。在此我们均表示衷心的感谢。

受水平和经验限制，加之对某些语法现象的研究还不够深入，所以本书的缺点甚至错误在所难免，希望得到国内外广大读者朋友的批评指正，以便将来进一步修改提高。

编者

2012年8月

目 录

第一章 越南语概述	1
第一节 历史	1
第二节 方言	2
第三节 主要特点及同汉语的比较	4
一、越南语主要特点	4
二、越汉语法比较	4
第二章 越南语的语音和文字	10
第一节 语音	10
一、越南语音节	10
二、越南语音节的重读	13
三、越南语的同音现象	13
四、越南语的变音现象	14
第二节 文字	15
一、汉字	15
二、喃字	15
三、国语字	17
第三节 标点符号	23
第三章 词汇综述	25
第一节 语素	25
第二节 词汇分类	27
一、词汇分类	27

二、词的兼类	27
第三节 词汇意义的理解	30
一、正确理解词汇意义	30
二、多义词、同音词、同义词和反义词	31
第四节 词的简称和词汇的简约形式	35
一、词的简称	35
二、词汇的简约形式	36
第四章 单纯词和合成词	38
第一节 单纯词的概述	38
一、有词汇意义的单纯词	38
二、有语法意义的单纯词	39
三、有感情表达意义的单纯词	39
四、拟声词	39
第二节 合成词的概述	40
一、合成词的构成	40
二、合成词的一般特点	40
第三节 合成词分类	41
一、联合式合成词	42
二、偏正合成词	45
三、自由合成词	48
第四节 合成词的意义	48
一、联合式合成词的意义	48
二、偏正式合成词的意义	50
第五章 词组	53
第一节 词组与合成词	53

一、词组的概念	53
二、词组与合成词的识别	54
第二节 自由词组	56
一、自由词组的分类	56
二、偏正词组的中心语	57
三、偏正词组的修饰语	58
四、典型词组的组合	59
第三节 固定词组	60
一、成语	60
二、俗语	63
三、惯用语	64
第四节 俚语	65
一、俚语分类	66
二、俚语的构成及特点	67
第六章 外来词	70
第一节 外来词的概述	70
第二节 汉越词的概述	71
一、关于汉越词的称法	72
二、汉越词的传入历史	73
三、汉越词的特点	74
四、汉越词的分类	77
五、汉越词的使用	79
第七章 重叠词	84
第一节 重叠词的概述	84
一、重叠词基本概念	84

二、重叠等级	85
三、重叠词分类	86
第二节 重叠词的构成	88
一、单音节词的重叠	88
二、双音节词的重叠	90
三、三音节重叠词	91
四、四音节重叠词	91
五、-iéc式重叠	93
第三节 重叠词读音规律	94
一、双音节重叠词的读音	94
二、声调变化规律——叠音词的构成	95
三、尾辅音变化规律	97
四、叠声词前后两个音节的主元音搭配规律	98
五、叠声词常用的韵母	103
六、叠韵词常用的声母搭配	106
七、重叠词中的谐音现象小结	108
第四节 重叠词的词义	108
一、表示数量多	109
二、表示连续	109
三、表示程度高	110
四、表示程度适中	111
五、表示厌恶、戏虐	112
六、同义重叠词	112
第八章 名词	114
第一节 名词的特点与分类	114
一、名词的意义和一般特点	114

二、名词的分类·····	116
第二节 称谓词·····	126
一、越南语亲族称谓·····	126
二、越南语社会称谓·····	131
三、复合称谓·····	135
四、泛称·····	135
第三节 名词词组·····	135
一、概述·····	136
二、名词词组的前置成分·····	136
三、名词词组的后置成分·····	139
四、名词词组的完整形式·····	141
五、名词词组完整形式分析·····	142
六、关于名词词组末尾的限定因素·····	146
第九章 类词和单位词·····	150
第一节 类词·····	150
一、类词的语法功能和特点·····	150
二、类词的分类·····	152
三、常见类词错误·····	154
四、越语类词和汉语量词的主要不同·····	156
第二节 单位词·····	167
一、单位词的作用和语法特点·····	167
二、单位词的分类·····	168
三、单位词的识别·····	172
四、单位词的使用·····	172
第十章 动词·····	176
第一节 动词的概述·····	176

一、动词的语法特点	176
二、动词的重叠	176
第二节 动词的分类	178
一、按照动词构词特点划分	178
二、按照同副词搭配的能力分类	178
三、按照动词支配对象分类	179
四、按照动词含义划分	183
第三节 动词词组	194
一、概述	194
二、动词词组的完整形式	195
三、动词词组的前置成分	197
四、动词词组的后置成分	200
第四节 动词次类——助动词	204
一、bị và được	204
二、趋向动词用作助动词	206
三、情态动词用作助动词	206
第十一章 形容词	207
第一节 形容词的意义和语法特点	207
一、形容词的语法特点	207
二、形容词的分类	208
三、形容词重叠	211
第二节 形容词词组	213
一、形容词词组的前置成分	213
二、形容词词组的后置成分	214
三、形容词与名词性补语的搭配	218

第十二章 数词	220
第一节 数词的意义和语法特点	220
一、数词的语法特点	220
二、数词的分类	221
第二节 数字表示方法	222
一、整数	222
二、分数和小数	223
三、半数	224
四、变数	224
五、概数	226
六、不定数	228
七、全数	228
八、分配数 <i>mỗi, từng</i>	231
九、序数	232
第三节 数词的运用问题	233
一、数词的音变问题	233
二、数词的使用习惯	235
三、越汉语数词的主要不同	235
第十三章 代词	237
第一节 人称代词	237
一、真正意义上的人称代词	238
二、亲族称谓名词用作人称代词	239
三、职务名词用作人称代词	243
四、其他可用作人称代词的词语	243
五、反身代词 <i>tự</i> 和 <i>mình</i>	244

六、表示相互意义的代词nhau	245
第二节 指示代词Chỉ định từ.....	246
一、事物指示代词	246
二、空间代词	247
三、时间代词	248
四、数量代词	250
五、状态代词	251
六、不定代词	253
第三节 疑问代词	253
一、提问数量	253
二、提问时间	254
三、提问空间	255
四、提问事物	255
五、提问人	256
六、提问状态	257
七、提问事情	257
八、疑问代词运用注意事项	258
第十四章 副词	260
第一节 副词的意义与分类	260
一、副词的意义和语法特点	260
二、副词的分类	260
第二节 副词的实际运用	264
一、表示态度(肯定或否定)	264
二、表示时态	265
三、表示频度	265